

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 07-3-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thương Y, sinh năm 1984; địa chỉ: Đ, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Võ Văn P, sinh năm 2001; Địa chỉ liên lạc: Số A L, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1961

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Số A, tổ số D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2024, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thương Y (do anh Võ Văn P đại diện) trình bày:

Qua quen biết, chị Nguyễn Thị Thương Y có cho vợ chồng ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim O vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để trả nợ Ngân hàng và làm ăn. Khi vay, hai bên có lập “Hợp đồng mượn tiền” đề ngày 24/3/2022, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 05 (Năm) năm (từ ngày 24/3/2022 đến ngày 24/3/2027).

Cùng ngày 24/3/2022 vợ chồng ông B, bà O đã cùng chị Y đến Văn phòng công chứng Đỗ Thị Kim T để ký kết “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với diện tích 101m² đất thuộc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 872475 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 17/6/2008 cho ông Nguyễn Đình T1 và bà Trần Thị Linh A; cập nhật trang 4 tặng cho ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim O vào ngày 08/8/2008. Tuy nhiên, thực tế việc hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên chỉ để làm tin và bảo đảm cho khoản vay trên chứ các bên không thực hiện việc chuyển nhượng nhà, đất. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn xác định chữ ký trên chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Kim O” trong Hợp đồng mượn tiền ngày 24/3/2022 là chữ ký và chữ viết của bà O. Trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/3/2022 chữ viết “Chúng tôi đã đọc và đồng ý”, chữ ký trên chữ viết họ tên “Trần Văn B” và dấu vân tay là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông B; có chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Kim O” và dấu vân tay của bà O. Sau khi các bên ký kết Hợp đồng mượn tiền trên chị Y đã trực tiếp giao số tiền 500.000.000 đồng cho bà O và ông B.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà O và ông B mới chỉ thanh toán cho chị Y được số tiền lãi là 5.000.000 đồng và ngưng thanh toán cho đến nay mặc dù chị Y đã yêu cầu ông B và bà O trả nợ rất nhiều lần nhưng ông B và bà O đều không hợp tác nên chị Y nộp đơn khởi kiện đến Tòa án.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 31 tháng 7 năm 2024 và những lời khai tiếp theo, bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim O thừa nhận bà là người trực tiếp ký tên xác nhận nợ vào hợp đồng mượn tiền ngày 24/3/2022 đồng thời bà và ông Trần Văn B ký tên và lấn dấu vân tay vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày 24/3/2022 mục đích để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà O khẳng định bà và ông B không nhận và cũng không sử dụng khoản tiền vay trên, khoản vay này do con dâu của bà là chị Lại Thị Thu M trực tiếp nhận và sử dụng. Thực tế như thế nào thì bà O khai như vậy chứ bà không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, cũng không có người làm chứng biết được sự việc để cung cấp cho

Tòa án. Bà O không đồng ý thanh toán số tiền 500.000.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, bà O không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ kiện.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

- *Về án phí:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] *Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nguyên đơn khai đã cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng với thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 24/3/2022 đến ngày 24/3/2027) theo Hợp đồng mượn tiền ngày 24/3/2022. Tuy nhiên, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi nên nguyên đơn đã thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thanh toán do đó nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, giao dịch thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sinh sống tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (BL 175) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng vay có kỳ hạn (05 năm, ngày vay 24/3/2022) nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thanh toán nợ trước thời hạn nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 08/3/2024 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự*: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 117, 209); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham dự phiên tòa, vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.4] *Về áp dụng pháp luật*: Nguyên đơn cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền vào ngày 24/3/2022 và nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ trước ngày 02/3/2024 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn*: Theo nguyên đơn khai đã cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 24/3/2022 đến ngày 24/3/2027), để đảm bảo cho khoản nợ vay hai bên đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 101m² đất thuộc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 872475 do UBND huyện T cấp ngày 17/6/2008 cho ông Nguyễn Đình T1 và bà Trần Thị Linh A; cập nhật trang 4 tặng cho ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim O vào ngày 08/8/2008 để làm tin.

Theo nguyên đơn, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ thanh toán được số tiền lãi là 5.000.000 đồng và ngưng không thanh toán cho đến nay mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán lãi nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nên nguyên đơn đã gửi thư yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán nợ trước ngày 02/3/2024 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không trả nợ nên nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp gồm: Hợp đồng mượn tiền và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề cùng ngày 24/3/2022 (Toàn bộ là bản chính). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các tài liệu trên là do bị đơn tự viết và ký tên xác nhận; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến về các tài liệu này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh

cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền là có thực.

[2.2] *Xét ý kiến của bị đơn:* Bà O thừa nhận bà đã trực tiếp ký tên vào “Hợp đồng mượn tiền” ngày 24/3/2022 và bà cùng ông Trần Văn B ký tên, ghi rõ họ tên đồng thời lăn dấu vân tay vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày 24/3/2022, lời khai của bị đơn phù hợp với lời khai của nguyên đơn và Kết luận giám định số 4652/KL-KTHS ngày 17/10/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh: “Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim O, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Kim O trên tài liệu cần giám định là “Hợp đồng mượn tiền” ngày 24/3/2022 và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 24/3/2024 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim O dùng làm mẫu so sánh trên các tài liệu: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/7/2008, Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch và Bản cam kết cùng đề ngày 24/3/2022 là do cùng một người ký, viết ra; Chữ ký đứng tên Trần Văn B, chữ viết họ tên “Trần Văn B” trên tài liệu cần giám định “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 24/3/2024 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn B trên các tài liệu mẫu so sánh: Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng giao dịch và Bản cam kết cùng đề ngày 24/3/2022 là do cùng một người ký, viết ra” (BL 159).

Tuy nhiên, bà O lại khẳng định không nhận và cũng không sử dụng khoản tiền vay trên mà số tiền vay này do chị Lại Thị Thu M (con dâu của bà O) trực tiếp sử dụng nhưng bà O không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[2.3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ cùng bị đơn thanh toán nợ:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông Trần Văn B gồm: Giấy triệu tập; Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ... nhưng ông B đều không hợp tác đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp cho Tòa án. Kết quả xác minh tại Công an xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai xác định: “Ông Trần Văn B (1975) và bà Nguyễn Thị Kim O (1961) có đăng ký cư trú tại địa chỉ A, tổ D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay ông B và bà O vẫn còn sinh sống tại địa phương tại địa chỉ nêu trên” (BL 175). Mặc dù ông B không trực tiếp ký tên vào Hợp đồng mượn tiền nhưng cùng ngày 24/3/2022 ông B đã ký tên vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay trên, chứng tỏ ông B biết rất rõ khoản vay này và nguyên đơn yêu cầu ông B có nghĩa vụ cùng bà O thanh toán nợ cho nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 500.000.000 đồng.

[2.4] *Về lãi suất*: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.5] *Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*: Quá trình thực hiện hợp vay, các bên có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 101m² đất thuộc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 872475 do UBND huyện T cấp ngày 17/6/2008 cho ông Nguyễn Đình T1 và bà Trần Thị Linh A; cập nhật trang 4 tầng cho ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim O vào ngày 08/8/2008 để làm tin và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí:

Mặc dù bị đơn là người cao tuổi và Tòa án có thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ (về việc miễn án phí) theo quy định nhưng bị đơn không có đơn đề nghị nên Tòa án không có cơ sở để xem xét.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thương Y, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn B

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trần Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thương Y số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thương Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0007714 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trần Văn B phải chịu số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang